

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng Phí thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết trên địa bàn tỉnh Thái Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng Phí thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết trên địa bàn tỉnh Thái Bình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 383/TTr-STNMT ngày 20/7/2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng Phí thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết trên địa bàn tỉnh Thái Bình, cụ thể như sau:

1. Phạm vi áp dụng: Phí thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết là khoản thu để bù đắp một phần hoặc toàn bộ chi phí thực hiện công việc thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết.

2. Đối tượng nộp phí: Tổ chức, cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết.

3. Đối tượng miễn nộp phí: Không.

4. Mức thu phí:

a) Mức thu phí thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết lần đầu:



Đơn vị tính: đồng/đề án

Vốn đầu tư	≤ 50 tỷ đồng	> 50 tỷ đồng và ≤ 100 tỷ đồng	> 100 tỷ đồng
Nhóm 1. Cơ sở xử lý chất thải và cải thiện môi trường	5.000.000	6.000.000	10.000.000
Nhóm 2. Cơ sở công trình dân dụng	6.500.000	8.000.000	15.000.000
Nhóm 3. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật	7.000.000	9.000.000	15.000.000
Nhóm 4. Cơ sở nông, lâm nghiệp, thủy sản	7.000.000	9.000.000	15.000.000
Nhóm 5. Cơ sở giao thông	7.500.000	9.000.000	15.000.000
Nhóm 6. Cơ sở công nghiệp	8.000.000	9.000.000	15.000.000
Nhóm 7. Cơ sở khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6)	5.000.000	6.000.000	10.000.000

b) Mức thu phí thẩm định lại đề án bảo vệ môi trường chi tiết: Bằng 50% mức phí thẩm định lần đầu tương ứng trong biểu nêu trên.

5. Đơn vị thu phí: Chi cục Bảo vệ môi trường.

6. Nộp, quản lý và sử dụng phí:

Đơn vị thu phí được trích để lại 80% số tiền phí thu được để chi dùng cho các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí và nộp 20% vào ngân sách cấp tỉnh.

7. Thời gian thu phí: Từ ngày 01 tháng 8 năm 2017.

Điều 2. Giao Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh và các đơn vị có liên quan hướng dẫn triển khai tổ chức thực hiện, đảm bảo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

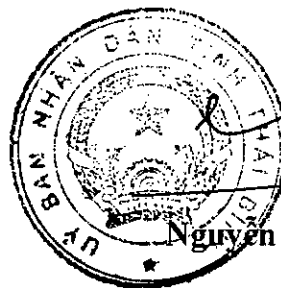
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2017.

Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Giám đốc Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử của tỉnh;
- Lưu VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Diên